

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Văn hóa cơ sở thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND cấp huyện tỉnh Thanh Hoá

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 820/QĐ-BVHTTDL ngày 09/3/2021 của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Quyết định số 392/QĐ-UBND ngày 28/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Giao thông vận tải, UBND cấp huyện và UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 1125/TTr-SVHTTDL ngày 05/4/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 04 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Văn hóa cơ sở thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND cấp huyện, tỉnh Thanh Hoá đã được công bố tại Quyết định số 392/QĐ-UBND ngày 28/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa (có Danh mục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 Quyết định;
- Cục Kiểm soát TTHC- VPCP (bản điện tử);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Thông tin và Truyền thông (Công DVC);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, KSTTHCNC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Thi

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC VĂN HÓA CƠ SỞ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH, UBND CẤP HUYỆN TỈNH THANH HÓA
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

Sửa đổi, bổ sung 04 TTHC tại Quyết định số 392/QĐ-UBND ngày 28/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Giao thông vận tải, UBND cấp huyện và UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Nội dung được sửa đổi, bổ sung
1	Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường (1.001008.000.00.00.H56)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa)	<i>Phí thẩm định:</i> - <i>Tại các thành phố, thị xã: 15.000.000 đồng/giấy.</i> - <i>Tại các khu vực khác: 10.000.000 đồng/giấy.</i>	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường. - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường. Có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 02 năm 2021.	- Phí thẩm định; - Căn cứ pháp lý
2	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường (1.000922.000.00.00.H56)	Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa)	<i>Phí thẩm định điều chỉnh đối với trường hợp thay đổi chủ sở hữu: 500.000 đồng/giấy.</i>	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường. - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường. Có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 02 năm 2021.	- Phí thẩm định; - Căn cứ pháp lý

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Nội dung được sửa đổi, bổ sung
1	Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (do cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện cấp) (1.000903.000.00.00.H56)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện. - Địa chỉ trực tuyến: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn (mức độ 4)	<i>Phí thẩm định:</i> - <i>Tại các thành phố, thị xã thuộc tỉnh:</i> + <i>Từ 01 đến 03 phòng:</i> 4.000.000 đồng/giấy. + <i>Từ 04 đến 05 phòng:</i> 6.000.000 đồng/giấy. + <i>Từ 06 phòng trở lên:</i> 12.000.000 đồng/giấy. - <i>Tại khu vực khác:</i> + <i>Từ 01 đến 03 phòng:</i> 2.000.000 đồng/giấy. + <i>Từ 04 đến 05 phòng:</i> 3.000.000 đồng/giấy. + <i>Từ 06 phòng trở lên:</i> 6.000.000 đồng/giấy.	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2019. - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp	- Phí thẩm định; - Căn cứ pháp lý
2	Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (do cơ quan quản	Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện.	<i>Phí thẩm định điều chỉnh đối với trường hợp tăng thêm phòng:</i> - <i>Tại các thành phố, thị xã thuộc tỉnh:</i> 2.000.000 đồng/phòng (nhưng tổng mức thu	trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp	- Phí thẩm định; - Căn cứ pháp lý

	lý nhà nước về văn hóa cấp huyện cấp) (1.000831.000.00. 00.H56)	định	- Địa chỉ trực tuyến: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn n (mức độ 4)	<i>không quá 12.000.000 đồng/giấy phép/lần thăm định)</i> - <i>Tại khu vực khác: 1.000.000 đồng/ phòng (nhưng tổng mức thu không quá 6.000.000 đồng/giấy phép/lần thăm định)</i> - <i>Đối với trường hợp thay đổi chủ sở hữu: 500.000 đồng/giấy</i>	<i>Giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường. Có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 02 năm 2021.</i>	
--	---	------	---	---	---	--